

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MT
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 71/2024/ HNGĐ-ST.

Ngày: 21-8-2024

“ *V/v không công nhận quan hệ vợ chồng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Thành Long**.

2/ Ông **Nguyễn Đình Cường**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở TAND huyện Mang Thít xét xử công khai vụ án thụ lý số: 44/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2024, về tranh chấp Hôn nhân và gia đình: Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: **số nhà A, tổ B, ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vĩnh Long**.

2. *Bị đơn:* chị **Đặng Thị Ngọc T1**, sinh năm 1976 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: **ấp H, xã M, huyện M, tỉnh Vĩnh Long**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh **Trần Thanh T** trình bày:

- Về hôn nhân: anh **T** và chị **T1** do quen biết tìm hiểu đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 1996 nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc tại **ấp H, xã M** đến ngày 30/9/2003 anh bị bắt và lĩnh bản án chung thân. Kể từ sau khi anh bị giam thì vợ chồng mỗi người sống một nơi, chị **T1** không đến trại giam thăm tôi lần nào. Đến ngày 30/12/2023 do cải tạo tốt nên được ân xá trở về với gia đình nhưng sau khi về tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn như xưa, không có tiếng nói chung với nhau nên tôi bỏ về nhà cha, mẹ ruột tại **huyện L** sinh sống từ năm 2023 cho đến nay. Nay anh **T** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị **Đặng Thị Ngọc T1**.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 05/8/2024 anh **T** có đơn xin vắng mặt xét xử tại Toà.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho chị **Đặng Thị Ngọc T1** biết việc thụ lý vụ án cũng như các yêu cầu khởi kiện của anh **T**, nhưng chị **T1** không có văn bản trả lời, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, các phiên tòa mặt dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán; Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận anh **T** và chị **T1** là vợ chồng. Về con chung không có. Về Tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: đương sự nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Đặng Thị Ngọc T1** đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do, anh **Trần Thanh T** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án quyết định xét xử vắng mặt anh **T** và chị **T1**.

[2] Về hôn nhân: anh **T** và chị **T1** sống chung như vợ chồng vào năm 1996, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn nên quan hệ giữa anh **T** và chị **T1** không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Hiện nay anh **T** và chị **T1** đã không còn tình cảm với nhau, không thể đoàn tụ để tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đồng thời, anh **T** và chị **T1** đã sống ly thân từ năm 2003 đến nay không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Do anh **T** và chị **T1** chung sống chưa có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét cho anh **T** ly hôn hay đoàn tụ với chị **T1** mà cần xem xét không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh **T** và chị **T1** theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: không có.

[4] Về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Buộc anh **T** phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 227; 228, 266; 267 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Trần Thanh T**:

1/ Về quan hệ hôn nhân: không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh **Trần Thanh T** và chị **Đặng Thị Ngọc T1**.

2/ Về nuôi con chung: không có.

3/ Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung, nợ phải thu, nợ phải trả: không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4/ Án phí: Buộc anh **Trần Thanh T** phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp tại **Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít**, theo biên lai thu số 0005694 ngày 13/3/2024, anh **T** không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mang Thít;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS huyện Mang Thít;
- Các đương sự;
- Lưuhồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Đã ký

Võ Thị Tám